

**CHI NHÁNH PHÁT ĐIỆN DẦU KHÍ
NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN SÔNG HẬU 1**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1167/NMĐSH1-TM

Cần Thơ, ngày 27 tháng 5 năm 2026

V/v cung cấp báo giá dịch vụ “Tư vấn quan trắc, lập báo cáo giám sát môi trường định kỳ NMNĐ Sông Hậu 1, CSHT Trung tâm điện lực Sông Hậu và Quan trắc môi trường nước thải, khí thải trong trường hợp hệ thống quan trắc tự động ngừng hoạt động quá 48 giờ”

Kính gửi: Các nhà cung cấp báo giá

Chi nhánh Phát điện Dầu khí/Nhà máy Nhiệt điện (NMNĐ) Sông Hậu 1 đang có nhu cầu triển khai mua sắm dịch vụ “Tư vấn quan trắc, lập báo cáo giám sát môi trường định kỳ NMNĐ Sông Hậu 1, CSHT Trung tâm điện lực Sông Hậu và Quan trắc môi trường nước thải, khí thải trong trường hợp hệ thống quan trắc tự động ngừng hoạt động quá 48 giờ”. NMNĐ Sông Hậu 1 kính gửi Quý Công ty quan tâm, nghiên cứu và cung cấp báo giá cho dịch vụ nói trên với nội dung như sau:

1. Phạm vi công việc: như Phụ lục đính kèm.
2. Thời gian dự kiến sử dụng dịch vụ: Tháng 04/2027.
3. Địa điểm giao hàng: Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1, Ấp Phú Xuân, Xã Châu Thành, TP. Cần Thơ.
4. Hiệu lực báo giá: 120 ngày kể từ ngày báo giá.
5. Thời gian gửi báo giá: Trước 10h00 ngày 10 / 6 /2026.
6. Phương thức gửi báo giá: yêu cầu các đơn vị gửi báo giá (file scan, có ký tên đóng dấu đỏ của Công ty) qua email theo địa chỉ dưới đây.
7. Thông tin liên hệ:

Người nhận: Phòng Thương mại - NMNĐ Sông Hậu 1. Địa chỉ: ấp Phú Xuân, xã Châu Thành, TP. Cần Thơ.

Email: giangth@pvpqb.vn; longpx@pvpqb.vn; haipdm@pvpqb.vn; vietct@pvpqb.vn; aithk@pvpqb.vn; giangvth@pvpqb.vn; nhanbaogia.hn@pvpqb.vn

NMNĐ Sông Hậu 1 cảm ơn sự hợp tác của Quý Công ty./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- GĐ NMNĐ SH1 (đề b/c);
- Lưu VT, TM (V.T.H.G).

**TL. GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH PĐDK
KT. GIÁM ĐỐC NMNĐ SÔNG HẬU 1
PHÓ GIÁM ĐỐC NHÀ MÁY**



Lương Khánh Duy

PHỤ LỤC

PHẠM VI CÔNG VIỆC TƯ VẤN QUAN TRẮC, LẬP BÁO CÁO GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG ĐỊNH KỲ NMĐ SÔNG HẬU 1, CSHT TRUNG TÂM ĐIỆN LỰC SÔNG HẬU VÀ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG NƯỚC THẢI, KHÍ THẢI TRONG TRƯỜNG HỢP HỆ THỐNG QUAN TRẮC TỰ ĐỘNG NGỪNG HOẠT ĐỘNG QUÁ 48 GIỜ

(đính kèm Công văn số 1117 /NMĐSH1-TM ngày 27 / 5/2026)

A. PHẠM VI CÔNG VIỆC TƯ VẤN QUAN TRẮC, LẬP BÁO CÁO GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG ĐỊNH KỲ NMĐ SÔNG HẬU 1 NĂM 2026

I. KHẢO SÁT MÔI TRƯỜNG VÀ PHÂN TÍCH MẪU

1. Đối với nước thải từ hệ thống nước thải tập trung:

- *Số điểm quan trắc:* Mỗi đợt quan trắc sẽ tiến hành lấy mẫu tại 02 điểm, trước và sau hệ thống xử lý nước thải tập trung (NT1, NT2);

- *Số mẫu tại 01 điểm:* 01 mẫu;

- *Tần suất quan trắc:* 3 tháng/lần và 01 năm/lần;

- *Các chỉ tiêu quan trắc tại mỗi điểm gồm:*

+ Thông số quan trắc tần suất 3 tháng/lần: Asen, Thủy ngân, Chì, Cadimi, Selen, độ màu, BOD₅, Crom VI, Cr³⁺, Đồng, Kẽm, Niken, Mangan, Sắt, tổng xyanua, tổng phenol, Sunfua, Florua, tổng nitơ, tổng photpho, Clorua, Clo dư, tổng hoạt độ phóng xạ α, tổng hoạt độ phóng xạ β, coliform.

+ Thông số quan trắc tần suất 01 năm/lần: tổng hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ, tổng hóa chất bảo vệ thực vật photpho hữu cơ, tổng PCBs.

2. Đối với nước làm mát:

- *Số điểm quan trắc:* Mỗi đợt quan trắc sẽ tiến hành lấy mẫu tại 02 điểm, tại công trình của nhận nước (NT1); trước khi nhập chung với nước thải sinh hoạt, sản xuất sau xử lý (NT2);

- *Số mẫu tại 01 điểm:* 01 mẫu;

- *Tần suất quan trắc:* 3 tháng/lần;

- *Các chỉ tiêu quan trắc tại mỗi điểm gồm:* Asen, Cadimi, Chì, Crom VI, Tổng Crom, Đồng, Kẽm, Niken, Mangan, Sắt, Thủy ngân, Tổng dầu mỡ, Coliform, pH, BOD₅, COD, Oxy hòa tan, Tổng chất rắn lơ lửng, Amoni, Clorua, Florua, Nitrit, Nitrat, Phosphat, Xianua.

3. Đối với tiếng ồn, độ rung:

- *Số điểm quan trắc:* Mỗi đợt quan trắc sẽ tiến hành lấy mẫu tại 02 điểm, vị trí tại khu vực nhà dân xung quanh nhà máy (TO1, TO2);

- *Số mẫu tại 01 điểm:* 05 mẫu;

- *Tần suất quan trắc:* 3 tháng/lần;

- Các chỉ tiêu quan trắc tại mỗi điểm gồm: Tiếng ồn, độ rung.

4. Đối với môi trường không khí xung quanh:

- Số điểm quan trắc: Mỗi lần quan trắc sẽ tiến hành lấy mẫu tại 1 điểm, bao gồm 01 điểm tại khu vực dân cư xung quanh nhà máy (KK1);
- Số mẫu tại 01 điểm: 05 mẫu;
- Tần suất quan trắc: 6 tháng/lần;
- Các chỉ tiêu quan trắc tại mỗi điểm gồm: Tổng bụi lơ lửng (TSP), CO, SO₂, NO_x, Hydrocacbon.

5. Đối với nước ngầm

- Số điểm quan trắc: Mỗi đợt quan trắc sẽ tiến hành lấy mẫu tại 02 điểm, vị trí tại Cửa xả Outfall (NN1), Vị trí cửa xả Discharge Pit (NN2).
- Số mẫu tại 01 điểm: 01 mẫu;
- Tần suất quan trắc: 6 tháng/lần;
- Các chỉ tiêu quan trắc tại mỗi điểm gồm: pH, SS, Fe, As, NH₃, NO₃, NO₂, Coliforms, Selen.

6. Đối với bùn thải

- Số điểm quan trắc: Mỗi đợt quan trắc sẽ tiến hành lấy mẫu tại 02 điểm, vị trí tại Khu xử lý nước thải công nghiệp (BT1) và Khu xử lý nước thải FGD (BT2).
- Số mẫu tại 01 điểm: 01 mẫu;
- Tần suất quan trắc: 6 tháng/lần;
- Các chỉ tiêu quan trắc tại mỗi điểm gồm: pH, Asen, Bạc, Bari, Cadimi, Coban, Chì, Kẽm, Niken, Selen, Thủy ngân, Crom VI, Tổng Xyanua, Tổng dầu, Phenol, Benzen, độ mặn (chỉ tiêu tham khảo).

7. Đối với chất thải rắn muối thải FGD

- Số điểm quan trắc: Mỗi đợt quan trắc sẽ tiến hành lấy mẫu tại 01 điểm, vị trí tại Khu xử lý nước thải FGD (MT1).
- Số mẫu tại 01 điểm: 01 mẫu;
- Tần suất quan trắc: 6 tháng/lần;
- Các chỉ tiêu quan trắc tại mỗi điểm gồm: pH, Asen, Bạc, Bari, Cadimi, Coban, Chì, Kẽm, Niken, Selen, Thủy ngân, Crom VI, Tổng Xyanua, Tổng dầu, Phenol, Benzen, độ mặn (chỉ tiêu quan trắc sử dụng để tham khảo).

8. Giám sát thu gom và xử lý các loại rác thải (3 tháng/lần)

Thông số quan trắc	Phương pháp quan trắc	Vị trí quan trắc	Tần suất quan trắc
1. Hình thức thu gom các loại rác thải (chất thải rắn sinh)	Khảo sát thực địa, quan sát,	- Khuôn viên nhà máy	4 lần/năm

Thông số quan trắc	Phương pháp quan trắc	Vị trí quan trắc	Tần suất quan trắc
hoạt, công nghiệp, nguy hại...)	ghi nhận và viết báo cáo		
2. Khu vực tập kết rác (vị trí, diện tích số lượng thùng chứa,...)			
3. Hình thức xử lý từng loại rác thải (hợp đồng với đơn vị xử lý, bán phế liệu,...)			

Ngoài các chỉ tiêu này, nhà thầu có trách nhiệm thực hiện các chỉ tiêu khác đáp ứng yêu cầu của các cơ quan chức năng có thẩm quyền trong phạm vi khoản mục này.

Ghi chú:

- Mục 1-6, được thực hiện theo Giấy phép môi trường số 337/GPMT-BTNMT ngày 13/9/2023; Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt số 318/GP-BTNMT ngày 31/8/2023 và công tác quan trắc môi trường phục vụ công tác Thu xếp vốn cho Dự án Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1 (ECA);

II. DANH MỤC CÁC THÔNG SỐ CẦN QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH

Stt	Chỉ tiêu quan trắc	Vị trí quan trắc	Số mẫu	Tần suất	Số lần thực hiện
1	Nước thải từ hệ thống xử lý nước tập trung				
	- Asen - Thủy ngân - Chì - Cadimi - Selen - Độ màu - BOD₅ - Crom VI - Cr³⁺ - Đồng - Kẽm - Niken - Mangan - Sắt - Tổng xyanua - Tổng phenol - Sunfua - Florua - Tổng nitơ - Tổng photpho - Clorua - Clo dư - Tổng hoạt độ	- Trước hệ thống xử lý nước thải tập trung. - Tại hố xả hở.	2	3 tháng /lần	4

Stt	Chỉ tiêu quan trắc	Vị trí quan trắc	Số mẫu	Tần suất	Số lần thực hiện
	phóng xạ α - Tổng hoạt độ phóng xạ β - Coliform				
	- Tổng hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ - Tổng hóa chất bảo vệ thực vật photpho hữu cơ - Tổng pcbs	- Trước hệ thống xử lý nước thải tập trung. - Tại hố xả hở.	2	1 năm /lần	1
2	Nước làm mát				
	- pH - BOD ₅ - COD - Oxy hòa tan - Tổng chất rắn lơ lửng - Amoni - Clorua - Florua - Nitrit - Nitrat - Phosphat - Xianua - Asen - Cadimi - Chì - Crom VI - Tổng Crom - Đồng - Kẽm - Niken - Mangan - Sắt - Thủy ngân - Tổng dầu mỡ - Coliform	- Tại công trình cửa nhận nước. - Trước khi nhập chung với nước thải sinh hoạt, sản xuất sau xử lý.	2	3 tháng /lần	4
3	Tiếng ồn, độ rung				
	- Tiếng ồn - Độ rung	Khu vực nhà dân xung quanh nhà máy	10	3 tháng /lần	4
4	Môi trường không khí xung quanh				
	- Tổng bụi lơ lửng (TSP)	- Khu vực dân cư xung quanh nhà	5	6 tháng/lần	2

Stt	Chỉ tiêu quan trắc	Vị trí quan trắc	Số mẫu	Tần suất	Số lần thực hiện
	- CO - SO₂ - NO_x - Hydrocacbon	máy.			
5	Đối với nước ngầm				
	- pH - SS - Fe - As - NH₃ - NO₃ - NO₂ - Coliforms - Selen	- Cửa xả Outfall - Vị trí cửa xả Discharge Pit		6 tháng /lần	2
6	Đối với bùn thải				
	- pH - Asen - Bạc - Bari - Cadimi - Coban - Chì - Kẽm - Niken - Selen - Thủy ngân - Crom VI - Tổng Xyanua - Tổng dầu - Phenol - Benzen - Độ mặn (chỉ tiêu quan trắc sử dụng để tham khảo).	- Khu xử lý nước thải công nghiệp - Khu xử lý nước thải FGD		6 tháng/lần	2
7	Đối với chất thải rắn muối thải FGD				
	- pH - Asen - Bạc - Bari - Cadimi - Coban - Chì - Kẽm - Niken - Selen	- Khu xử lý nước thải FGD		6 tháng/lần	2

Stt	Chỉ tiêu quan trắc	Vị trí quan trắc	Số mẫu	Tần suất	Số lần thực hiện
	- Thủy ngân - Crom VI - Tổng Xyanua - Tổng dầu - Phenol - Benzen - Độ mặn (chỉ tiêu quan trắc sử dụng để tham khảo).				
8	Giám sát thu gom và xử lý các loại rác thải				
	- Hình thức thu gom các loại rác thải (chất thải rắn sinh hoạt, công nghiệp, nguy hại...) - Khu vực tập kết rác (vị trí, diện tích số lượng thùng chứa,...) - Hình thức xử lý từng loại rác thải (hợp đồng với đơn vị xử lý, bán phế liệu,...)	- Khuôn viên nhà máy		3 tháng/lần	4

III. THU MẪU LÀM BÁO CÁO PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Thu mẫu: các mẫu như trên. Số lượng có thể được thay đổi theo tình hình thực tế.

Nghiên cứu, lập báo cáo phân tích môi trường của dự án Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1 gửi Nhà máy sau mỗi đợt quan trắc.

Số lần lập báo cáo quan trắc: lập báo cáo phân tích môi trường của dự án Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1 sau mỗi đợt quan trắc, lập báo cáo tổng hợp cuối năm gửi Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1 **trước ngày 02/01 của năm sau**. Dịch các báo cáo từ Tiếng Việt sang Tiếng Anh.

Giải trình về kết quả khi có yêu cầu của Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1 và cơ quan có thẩm quyền.

B. PHẠM VI CÔNG VIỆC TƯ VẤN QUAN TRẮC, LẬP BÁO CÁO GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG ĐỊNH KỲ CSHT TRUNG TÂM ĐIỆN LỰC SÔNG HẬU (GIAI ĐOẠN 1) NĂM 2026

I. KHẢO SÁT MÔI TRƯỜNG VÀ PHÂN TÍCH MẪU

1. Đối với nước thải sinh hoạt:

- *Số điểm quan trắc:* Mỗi đợt quan trắc sẽ tiến hành lấy mẫu tại 01 điểm, công xả từ khu Nhà điều hành Ban QLDA (NT1);
- *Số mẫu tại 01 điểm:* 01 mẫu;
- *Tần suất quan trắc:* 3 tháng/1 lần;
- *Các chỉ tiêu quan trắc tại mỗi điểm gồm:* pH, Độ đục, BOD₅, COD, Dầu mỡ, Nhiệt độ, Coliforms;
- *Tọa độ:*
+ NT 1: 9°56'56,72"N - 105°51'38,89"E.

2. Đối với môi trường không khí xung quanh:

- *Số điểm quan trắc:* Mỗi lần quan trắc sẽ tiến hành lấy mẫu tại 02 điểm, bao gồm 01 điểm tại vị trí nút giao thông từ đường Nam Sông Hậu vào TTĐL (KK1); 01 điểm tại vị trí cảng (KK2);
- *Số mẫu tại 01 điểm:* 01 mẫu;
- *Tần suất quan trắc:* 6 tháng/1 lần;
- *Các chỉ tiêu quan trắc tại mỗi điểm gồm:* CO, SO₂, NO_x, Tổng bụi lơ lửng (TSP), Hydrocacbon, Tiếng ồn;
- *Tọa độ:*
+ KK 1: 9°56'46,27"N - 105°51'27,94"E;
+ KK 2: 9°57'18,74"N - 105°51'58,12"E.

3. Đối với nước mặt:

- *Số điểm quan trắc:* Mỗi đợt quan trắc sẽ tiến hành lấy mẫu tại 01 điểm, nước sông xung quanh khu vực dự án;
- *Số mẫu tại 01 điểm:* 02 mẫu;
- *Tần suất quan trắc:* 6 tháng/1 lần;
- *Các chỉ tiêu quan trắc tại mỗi điểm gồm:* pH, Độ đục, TSS, BOD₅, COD, Dầu mỡ, Coliforms;
- *Tọa độ:*
+ NM 1: 9°56'34,7"N - 105°51'47,5"E;
+ NM 2: 9°57'15,8"N - 105°52'8,1"E.

4. Đối với thủy sinh:

- *Số điểm quan trắc:* Mỗi đợt quan trắc sẽ tiến hành lấy mẫu tại 01 điểm, vị trí tại Sông Hậu (TS1, TS2);

- Số mẫu tại 01 điểm: 02 mẫu;
- Tần suất quan trắc: 6 tháng/1 lần;
- Các chỉ tiêu quan trắc tại mỗi điểm gồm: Thực vật nổi (Phytoplankton), Động vật nổi (Zooplankton), Động vật đáy (Zoobenthos);
- Tọa độ:
- + TS 1: 9°57'39,2"N - 105°51'38,6"E;
- + TS 2: 9°56'48,6"N - 105°52'39,9"E.

Ghi chú: Vị trí các điểm (từ mục 1-4), theo như Báo cáo đánh giá tác động môi trường Cơ sở hạ tầng Trung tâm điện lực Sông Hậu – giai đoạn 1 được UBND tỉnh Hậu Giang phê duyệt theo Quyết định số 190/QĐ-UBND ngày 09/2/2011.

II. DANH MỤC CÁC THÔNG SỐ CẦN QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH

1. Danh sách các thông số môi trường quan trắc, lấy mẫu phân tích.

Bảng 1.1. Danh sách các thông số môi trường nước thải sinh hoạt

STT	Chỉ tiêu quan trắc	Vị trí các điểm quan trắc	Số lượng mẫu	Số lần thực hiện
1	pH	Cống xả từ khu Khu nhà điều hành Ban QLDA (NT1)	01	4
2	Độ đục			
3	BOD ₅			
4	COD			
5	Dầu mỡ			
6	Nhiệt độ			
7	Coliforms			

Bảng 1.2. Danh sách các thông số môi trường không khí xung quanh.

STT	Chỉ tiêu quan trắc	Vị trí các điểm quan trắc	Số lượng mẫu	Số lần thực hiện
1	CO	- Vị trí nút giao thông từ đường Nam Sông Hậu vào TTĐL (KK1) - Vị trí cảng (KK2)	02	2
2	SO ₂			
3	NO _x			
4	Tổng bụi lơ lửng (TSP)			
5	Hydrocacbon			
6	Tiếng ồn			

Bảng 1.3. Danh sách các thông số môi trường nước mặt.

STT	Chỉ tiêu quan trắc	Vị trí các điểm quan trắc	Số lượng mẫu	Số lần thực hiện
1	pH	Nước sông xung quanh khu vực dự án (NM1, NM2)	02	2
2	Độ đục			
3	TSS			

STT	Chỉ tiêu quan trắc	Vị trí các điểm quan trắc	Số lượng mẫu	Số lần thực hiện
4	BOD ₅			
5	COD			
6	Dầu mỡ			
7	Coliforms			

Bảng 1.4. Danh sách các thông số môi trường thủy sinh.

STT	Chỉ tiêu quan trắc	Vị trí các điểm quan trắc	Số lượng mẫu	Số lần thực hiện
1	Thực vật nổi (Phytoplankton)	Sông Hậu (TS1, TS2)	02	2
2	Động vật nổi (Zooplankton)			
3	Động vật đáy (Zoobenthos)			

III. THU MẪU LÀM BÁO CÁO PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Thu mẫu: các mẫu như trên. Số lượng có thể được thay đổi theo tình hình thực tế.

Nghiên cứu, lập báo cáo phân tích môi trường gửi Nhà máy nhiệt điện Sông Hậu 1 sau mỗi đợt quan trắc.

Số lần lập báo cáo quan trắc: **01 lần trước ngày 02/01 của năm sau**, lập báo cáo kết quả phân tích môi trường gửi Nhà máy nhiệt điện Sông Hậu 1 sau mỗi đợt quan trắc. Dịch báo cáo tổng hợp từ Tiếng Việt sang Tiếng Anh.

Giải trình về kết quả khi có yêu cầu của Nhà máy nhiệt điện Sông Hậu 1 và cơ quan có thẩm quyền.

N: 01
CHI
HÁT Đ
P ĐOÀN
HANG LUK
VIỆ
VH PH





C. PHẠM VI CÔNG VIỆC QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG NƯỚC THẢI, KHÍ THẢI TRONG TRƯỜNG HỢP HỆ THỐNG QUAN TRẮC TỰ ĐỘNG NGỪNG HOẠT ĐỘNG QUÁ 48 GIỜ

Stt	Thông số	Số lượng mẫu tối thiểu/ngày (theo Thông tư 10/2021/TT-BTNMT)	Số mẫu quan trắc dự kiến
I	Quan trắc Nước thải công nghiệp		
1	Nhiệt độ	01 mẫu/ 01 ngày	30
2	pH	01 mẫu/ 01 ngày	30
3	COD	01 mẫu/ 01 ngày	30
4	Chất rắn lơ lửng (TSS)	01 mẫu/ 01 ngày	30
5	Amoni (tính theo N)	01 mẫu/ 01 ngày	30
6	Tổng dầu mỡ khoáng	01 mẫu/ 01 ngày	30
II	Quan trắc Nước thải nước làm mát		
1	Nhiệt độ	01 mẫu/ 01 ngày	30
2	pH	01 mẫu/ 01 ngày	30
3	Clo	01 mẫu/ 01 ngày	30
III	Quan trắc Nước nước làm mát đầu vào		
1	Nhiệt độ	01 mẫu/ 01 ngày	30
2	Clo	01 mẫu/ 01 ngày	30
IV	Quan trắc khí thải công nghiệp		
IV.1	Tổ máy số 1		



Stt	Thông số	Số lượng mẫu tối thiểu/ngày (theo Thông tư 10/2021/TT-BTNMT)	Số mẫu quan trắc dự kiến
1	Bụi tổng	01 mẫu/ 07 ngày	20
2	Lưu huỳnh dioxit, SO ₂	01 mẫu/ 02 ngày	40
3	Nitơ oxit, NO _x (tính theo NO ₂)	01 mẫu/ 02 ngày	40
4	Cacbon oxit, CO	01 mẫu/ 02 ngày	40
IV.2	Tổ máy số 2		
1	Bụi tổng	01 mẫu/ 07 ngày	20
2	Lưu huỳnh dioxit, SO ₂	01 mẫu/ 02 ngày	40
3	Nitơ oxit, NO _x (tính theo NO ₂)	01 mẫu/ 02 ngày	40
4	Cacbon oxit, CO	01 mẫu/ 02 ngày	40

I. YÊU CẦU KHÁC

Đối với các yêu cầu lấy mẫu, Nhà máy sẽ thông báo cho đơn vị lấy mẫu trước ít nhất 10 giờ. Trong vòng 6 giờ kể từ khi nhận được thông báo, đơn vị lấy mẫu phải bố trí nhân sự xuống hiện trường để tiến hành lấy mẫu.

Nhà máy sẽ thông báo thời điểm kết thúc công tác lấy mẫu cho Nhà thầu khi sự cố của hệ thống quan trắc được khắc phục. Nhà thầu có trách nhiệm gửi kết quả phân tích cho Nhà máy trong thời hạn không quá 7 ngày, kể từ ngày kết thúc lấy mẫu cuối cùng của mỗi đợt sự cố.

D. PHẠM VI CÔNG VIỆC TƯ VẤN QUAN TRẮC, LẬP BÁO CÁO GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG ĐỊNH KỲ KHU NHÀ Ở XÃ HỘI DÀNH CHO CÁN BỘ, CÔNG NHÂN VIÊN VẬN HÀNH NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN SÔNG HẬU 1

I. KHẢO SÁT MÔI TRƯỜNG VÀ PHÂN TÍCH MẪU

1. Đối với nước thải sinh hoạt:

- *Số điểm quan trắc:* Mỗi đợt quan trắc sẽ tiến hành lấy mẫu tại 02 điểm, bao gồm vị trí đầu vào và đầu ra sau hệ thống xử lý nước thải của Dự án;
- *Số mẫu tại 01 điểm:* 01 mẫu;
- *Tần suất quan trắc:* 06 tháng/lần;
- *Các chỉ tiêu quan trắc tại mỗi điểm gồm:* pH, BOD₅, TSS, Tổng chất rắn hòa tan, sunfua (tính theo H₂S), Amoni (tính theo N), Nitrat (tính theo N), Dầu mỡ động thực vật, Tổng các chất hoạt động bề mặt, Phosphat (tính theo P), Tổng Coliforms;

Ghi chú: theo như Giấy phép môi trường số 47/GPMT-UBND ngày 31/03/2026 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Cần Thơ cấp cho Dự án “Khu nhà ở xã hội dành cho cán bộ công nhân viên vận hành Nhà máy nhiệt điện Sông Hậu 1”.

II. DANH MỤC CÁC THÔNG SỐ CẦN QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH

1. Danh sách các thông số môi trường quan trắc, lấy mẫu phân tích.

Bảng 1.1. Danh sách các thông số môi trường nước thải sinh hoạt

STT	Chỉ tiêu quan trắc	Vị trí các điểm quan trắc	Số lượng mẫu	Số lần thực hiện
1	pH	vị trí đầu vào và đầu ra sau hệ thống xử lý nước thải của Dự án	02	4
2	BOD ₅			
3	TSS			
4	Tổng chất rắn hòa tan			
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)			
6	Amoni (tính theo N)			
7	Nitrat (tính theo N)			
8	Dầu mỡ động thực vật			
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt			
10	Phosphat (tính theo P)			
11	Tổng Coliforms			

III. THU MẪU LÀM BÁO CÁO PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Thu mẫu: các mẫu như trên. Số lượng có thể được thay đổi theo tình hình thực tế.

Nghiên cứu, lập báo cáo phân tích môi trường gửi Nhà máy nhiệt điện Sông Hậu 1 sau mỗi đợt quan trắc.

Số lần lập báo cáo quan trắc: **01 lần trước ngày 02/01 của năm sau**, lập báo cáo kết quả phân tích môi trường gửi Nhà máy nhiệt điện Sông Hậu 1 sau mỗi đợt quan trắc. Dịch báo cáo tổng hợp từ Tiếng Việt sang Tiếng Anh.

Giải trình về kết quả khi có yêu cầu của Nhà máy nhiệt điện Sông Hậu 1 và cơ quan có thẩm quyền.

